

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-07-2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Móm Em.*

*Bà Trần Thị Thu Hà*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham  
gia phiên tòa.*

Ngày 07 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét  
xử công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 05 năm 2022,  
về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
159/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị **Lê Thị Thanh T** – sinh năm: 1980 (vắng, có đơn xin vắng  
mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh T

**- Bị đơn:** anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm: 1981 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn  
chị Lê Thị Thanh T trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn T hôn nhân hình thành do tự  
quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị và anh Thới đi đến hôn  
nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ,  
huyện C, tỉnh T vào ngày 08/06/2005.*

Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống ở xã T được một thời gian thì chị T về ấp M,  
xã Đ, huyện C sinh sống cho đến nay. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng  
năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình,  
bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cãi, vợ chồng  
sống ly thân từ tháng năm 2006 cho đến nay.

Nay chị Thúy nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị Thúy yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị T về mối quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thanh T.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Đơn xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Thúy và bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị Thúy và anh Thới đều thống nhất do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cãi vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị T và anh T không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc chị T và anh T thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] **Về con chung:** Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T thống nhất xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng:** Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

### **1/ Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T.

- **Về con chung:** Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, miễn xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

### **2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:**

Buộc chị Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0008317, ngày 11 tháng 05 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Kim Mẫn**

